TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN F **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 535/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03/8/2018

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN F, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp

2. Ông Đặng Bích Thuận

- *Thư ký phiên toà:* Ông Dương Phúc Trường – Thư ký Toà án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Sĩ H, sinh năm 1965 (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: 133/38A VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1968 (vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: 42 Lô E LG, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 11/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ông Phạm Sĩ H trình bày:

Ông và bà Trần Thị X tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991. Ông và bà Trần Thị X không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Ông và bà X chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa ông và bà X bất đồng quan điểm về mọi mặt, bà X thường xuyên có thái độ không tôn trọng ông và gia đình ông. Ngoài ra, bà X cho rằng ông và người phụ nữ khác có tình cảm với nhau và thường xuyên ghen tuông vô cớ. Tuy nhiên, ông xác định không có tình cảm với người phụ nữ khác

mà chỉ có quan hệ công việc với nhau. Ông và bà X không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã tự ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà X nên yêu cầu được ly hôn với bà X để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị X trong thời gian chung sống có với nhau 01 con chung tên Phạm Ngọc Q, sinh ngày 15/10/1993 đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 23/5/2018 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Trần Thị X thống nhất với lời trình bày của ông H về thời gian hai bên chung sống và ly thân. Tuy nhiên, bà X cho rằng nguyên nhân hai bên mâu thuẫn do bà X phát hiện ông H có tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ ông H thay đổi tính tình nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà X xác nhận không còn tình cảm với ông Phạm Sĩ H nhưng bà không đồng ý ly hôn vì bà không muốn con bị thiếu thốn tình cảm của người cha.

Về con chung: Bà và ông Phạm Sĩ H trong thời gian chung sống có với nhau 01 con chung tên Phạm Ngọc Q, sinh ngày 15/10/1993 đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Nguyên đơn ông Phạm Sĩ H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị X vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X sống chung như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay nhưng vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm qui định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Sĩ H, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X. Ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X có với nhau 01 con chung là Phạm Ngọc Q, sinh ngày 15/10/1993 đã thành niên nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Ông Phạm Sĩ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị X nên Tòa án nhân dân Quận F thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X phát sinh từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn ông Phạm Sĩ H trình bày: Ông và bà Trần Thị X chung sống với nhau từ năm 1991. Ông và bà X chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa ông và bà X bất đồng quan điểm về mọi mặt, bà X thường xuyên có thái độ không tôn trọng ông và gia đình ông. Ngoài ra, bà X cho rằng ông và người phụ nữ khác có tình cảm với nhau và thường xuyên ghen tuông vô cớ. Tuy nhiên, ông xác định không có tình cảm với người phụ nữ khác mà chỉ có quan hệ công việc với nhau. Ông và bà X không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã tự ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà X nên yêu cầu được ly hôn với bà X.

Phía bị đơn bà X cho rằng nguyên nhân hai bên mâu thuẫn do bà X phát hiện ông H có tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ ông H thay đổi tính tình nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà X xác nhận không còn tình cảm với ông Phạm Sĩ H nhưng bà không đồng ý ly hôn vì bà không muốn con bị thiếu thốn tình cảm của người cha. Bà Trần Thị X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X chung sống với nhau từ năm 1991, có con chung và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên ông H và bà X lại không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…" và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...".

Nay ông Phạm Sĩ H yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị X đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử không công nhận ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X trong thời gian chung sống có với nhau 01 con chung tên là Phạm Ngọc Q, sinh ngày 15/10/1993 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Phạm Sĩ H nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X trong thời gian chung sống có với nhau 01 con chung tên là Phạm Ngọc Q, sinh ngày 15/10/1993 đã thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Sĩ H và bà Trần Thị X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Phạm Sĩ H nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029066 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận F.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Sĩ H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận F;
- CCTHADS Quận F;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bình

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận F;
- CCTHADS Quận F;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bình